

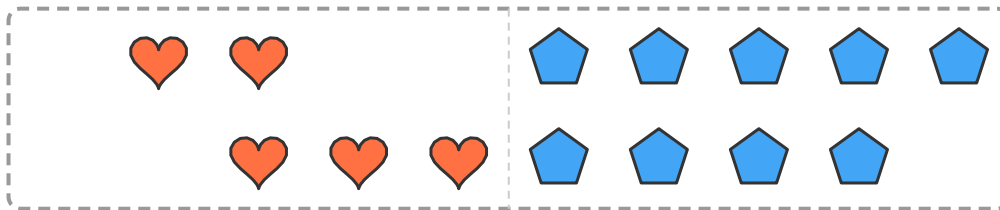
Họ và tên:

Lớp:

Toán 1 – Bài 2: Các số 6, 7, 8, 9, 10

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Quan sát tranh và cho biết:



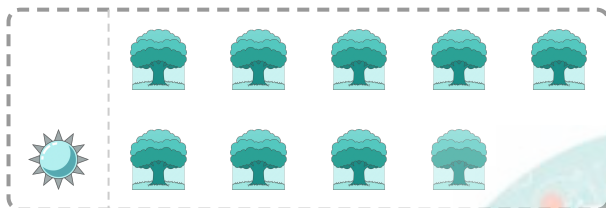
A. Không thể so sánh được.

C. Số hình trái tim nhiều hơn số hình ngũ giác.

B. Số hình trái tim bằng số hình ngũ giác.

D. Số hình trái tim ít hơn số hình ngũ giác.

Câu 2. Quan sát tranh và chọn đáp án đúng.



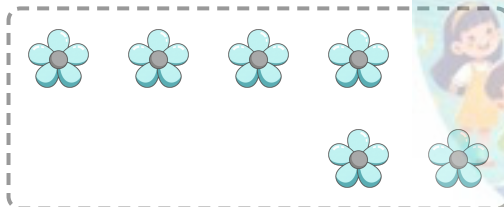
A. Không thể so sánh được.

C. Số ông mặt trời ít hơn số cái cây.

B. Số ông mặt trời nhiều hơn số cái cây.

D. Số ông mặt trời bằng số cái cây.

Câu 3. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Cần thêm mấy bông hoa nữa để có đủ 10 bông hoa?



A. 5

B. 4

C. 10

D. 6

Phần II. Tự luận

Bài 1. Viết các số sau:

a) Tám: ...

b) Bảy: ...

c) Chín: ...

d) Sáu: ...

Bài 2. Điền số thích hợp vào ô trống.

a)

4	3		1
---	---	--	---

b)

8	7		5
---	---	--	---

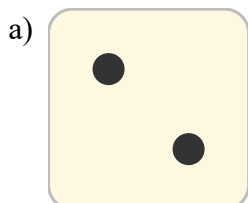
c)

4		2
---	--	---

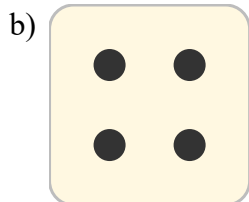
d)

5		3
---	--	---

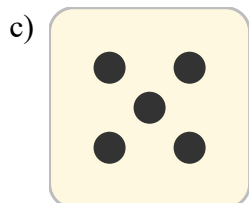
Bài 3. Điền số thích hợp vào ô trống.



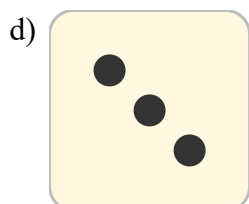
...



...



...



...

Bài 4. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé:

a) 9, 5, 10, 6:

b) 0, 6, 7, 8, 3:

c) 10, 1, 0:

d) 6, 7, 4:

Bài 5. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé.

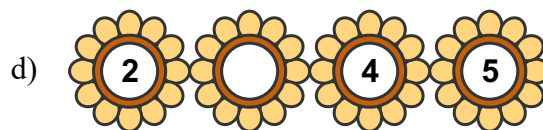
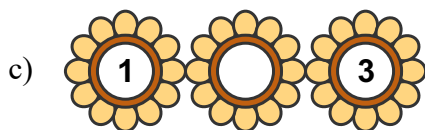
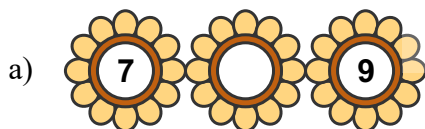
a) 5, 9, 3, 4

b) 4, 7, 0, 9

c) 10, 6, 7, 2, 4

d) 3, 2, 8, 0

Bài 6. Điền số thích hợp vào ô trống.



Bài 7. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn.

a) 3, 2, 0, 10 →

b) 9, 5, 2, 6 →

c) 8, 10, 6 →

d) 3, 10, 4, 7, 9 →

Bài 8. Điền số thích hợp vào ô trống.



---HẾT---